

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **19/2020/QĐST-DS**.

B, ngày 11 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 10/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

NGUYÊN ĐƠN:

1. Ông **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1983.
2. Bà **Nguyễn Thị Kim Đ**, sinh năm 1993.
3. Bà **Nguyễn Thị Kim M**, sinh năm 1956.
4. Ông **Nguyễn Tiến L**, sinh năm 1973.
5. Bà **Trần Thị Thu C**, sinh năm 1975.
6. Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1982.
7. Bà **Thạch T**, sinh năm 1985.
8. Ông **Vũ Trung K**, sinh năm 1989.
9. Bà **Trần Ngọc T**, sinh năm 1994.
10. Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1960.
11. Bà **Bùi Thị Đ**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố C.

Đồng đại diện theo ủy quyền cho các nguyên đơn tham gia tố tụng: Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1960.

Giấy ủy quyền ngày 05/10/2019, số chứng thực 4423, quyền số 02-SCT/CK,ĐC tại Văn phòng công chứng 24^h.

BI ĐƠN:

Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1956. Địa chỉ: phường L, quận B, thành phố C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về sự thỏa thuận của các đương sự.

Ông Nguyễn Mạnh T, Bà Nguyễn Thị Kim Đ, bà Nguyễn Thị Kim M, ông Nguyễn Tiến L, bà Trần Thị Thu C, ông Nguyễn Thanh V, bà Thạch T, ông Võ Trung K, bà Trần Ngọc T, ông Trần Thanh H, bà Bùi Thị Đ và ông Phạm Hồng D, ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Nhân D thống nhất thỏa thuận bỏ ra phần đất tại các vị trí (A), (B), (C), (D), (E), (F), (G), (H), (I), (J), (K) tại bản trích đo địa chính số 16/TTKTTNMT ngày 23/4/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C để làm lối đi qua theo Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015.

(Đính kèm Quyết định này là bản trích đo địa chính số 16/TTKTTNMT ngày 23/4/2020 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường vừa nêu trên)

Các đương sự tự có trách nhiệm kê khai đăng ký điều chỉnh quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thỏa thuận làm lối đi chung theo quy định của pháp luật về đất đai.

Về chi phí đo đạc, định giá: các đương sự đã nộp và thanh toán xong, không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: các nguyên đơn tự nguyện nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.172.437 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 004165 ngày 27 tháng 11 năm 2019 thì các nguyên đơn được nhận lại 872.437 đồng (Tám trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B, TP. C
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B, TP.C;
- Tòa án nhân dân TP. C;
- Lưu (hs, Vp, Ltd);

THẨM PHÁN

Phạm Thị A